

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*  
*đã được kiểm toán*



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4 - 5</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	<b>6 - 34</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 34



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 08 với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 284.502.360.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 34).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên;
Ông Đặng Quang Vinh	Ủy viên;
Ông Đỗ Mạnh Tuấn	Ủy viên;
Ông Trần Văn Hà	Ủy viên;
Ông Phạm Văn Hồng	Ủy viên;
Ông Lê Tiến Phan	Ủy viên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

#### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc;	
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Đặng Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Trần Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Đào Tiến Thành	Kế toán trưởng;	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 7 năm 2013
Bà Lâm Thị Hiền	Phụ trách phòng TCKT.	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 7 năm 2013

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2014

**T.M. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Bùi Văn Hữu**

Số: 01./2014/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô TMT, được lập ngày 17 tháng 3 năm 2014, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-08) 3910 4881 \*Fax: (84-08) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

#### Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi  
Tel: (84-04) 3793 1428 \*Fax: (84-04) 3793 1429  
Email: admin@namviethn.vn

**Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)**

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ô tô TMT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2013.

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2014

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



**Bùi Ngọc Vương**  
Số Giấy CN ĐKHN  
kiểm toán: 0941-2013-152-1

**Kiểm toán viên**

**Bùi Thị Ngọc Lân**  
Số Giấy CN ĐKHN  
kiểm toán: 0300-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>298.519.202.262</b>	<b>337.386.885.452</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>25.760.761.390</b>	<b>18.050.369.965</b>
1.	Tiền	111		9.760.761.390	14.047.804.047
2.	Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	4.002.565.918
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>20.545.497.000</b>	<b>1.325.093.273</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		20.545.497.000	1.325.093.273
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.635.936.403</b>	<b>102.030.265.882</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		25.988.052.875	79.949.680.161
2.	Trả trước cho người bán	132		3.392.578.512	9.461.073.224
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	5.238.371.354	13.156.557.018
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(3.983.066.338)	(537.044.521)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>210.626.209.728</b>	<b>198.410.109.575</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	210.626.209.728	198.410.109.575
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.950.797.741</b>	<b>17.571.046.757</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.050.523.397	924.095.148
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		361.205.085	2.369.129.084
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	2.849.213.818	4.665.514.453
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	6.689.855.441	9.612.308.072

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>231.130.013.115</b>	<b>269.194.639.830</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4.	Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>195.520.388.668</b>	<b>262.312.607.141</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	49.384.154.588	51.344.421.750
	- Nguyên giá	222		169.641.368.271	148.865.082.026
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(120.257.213.683)	(97.520.660.276)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
	- Nguyên giá	225		0	0
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	27.339.750	16.170.729.203
	- Nguyên giá	228		158.939.000	19.529.195.399
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(131.599.250)	(3.358.466.196)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	146.108.894.330	194.797.456.188
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1.	Nguyên giá	241		0	0
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>500.280.800</b>	<b>3.897.765.200</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	501.073.530	5.836.540.143
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.11	(792.730)	(1.938.774.943)
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.743.215.584</b>	<b>2.984.267.489</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	17.743.215.584	2.882.217.489
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3.	Tài sản dài hạn khác	268		0	102.050.000
<b>VI.</b>	<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>V.13</b>	<b>17.366.128.063</b>	<b>0</b>
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>529.649.215.377</b>	<b>606.581.525.282</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>196.747.500.641</b>	<b>277.918.324.463</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>186.358.005.551</b>	<b>267.417.474.008</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	90.818.400.150	208.298.415.855
2.	Phải trả người bán	312		62.418.371.245	38.044.262.884
3.	Người mua trả tiền trước	313		10.248.258.825	4.653.931.101
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	8.027.810.090	9.985.202.989
5.	Phải trả người lao động	315		1.765.227.321	802.218.279
6.	Chi phí phải trả	316	V.16	3.097.714.840	870.835.063
7.	Phải trả nội bộ	317		0	0
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	9.945.492.146	4.689.494.967
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		36.730.934	73.112.870
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.389.495.090</b>	<b>10.500.850.455</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.18	7.610.400.000	7.928.366.305
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.19	2.749.847.090	2.135.000.000
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.20	0	393.036.150
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		29.248.000	44.448.000
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>318.749.789.487</b>	<b>314.392.885.165</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>318.749.789.487</b>	<b>314.392.885.165</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		284.502.360.000	284.502.360.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		24.845.370.833	24.845.370.833
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		483.226.387	483.226.387
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		806.390.333	806.390.333
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		130.835.807	130.835.807
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.662.595.774	12.305.691.452
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>C.</b>	<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>14.151.925.249</b>	<b>14.270.315.654</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>529.649.215.377</b>	<b>606.581.525.282</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		0	0
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		0	0
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		0	0
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		11.319.786.900	11.169.734.400
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		677,80	0
	EURO		84,51	0
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		0	0

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Tạ Thu Thủy

Đào Tiến Thành

Bùi Văn Hữu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

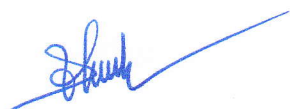
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>547.474.587.107</b>	<b>582.009.248.733</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	44.771.363.631	93.539.928.178
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.03</b>	<b>502.703.223.476</b>	<b>488.469.320.555</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	446.582.452.858	442.110.525.064
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>56.120.770.618</b>	<b>46.358.795.491</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	9.351.969.593	1.955.745.278
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	9.850.084.158	16.332.076.683
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.454.240.800	8.887.959.682
8.	Chi phí bán hàng	24		21.017.908.924	14.821.970.515
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		27.218.210.085	17.145.111.949
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>7.386.537.044</b>	<b>15.381.622</b>
11.	Thu nhập khác	31		166.971.534	6.408.890.840
12.	Chi phí khác	32		317.732.645	4.601.072.782
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(150.761.111)</b>	<b>1.807.818.058</b>
14.	<b>Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
15.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>7.235.775.933</b>	<b>1.823.199.680</b>
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	1.971.992.828	596.643.204
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.08	(393.036.150)	(14.745.777)
18.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>5.656.819.255</b>	<b>1.241.302.253</b>
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.180.748.303	1.003.572.839
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		4.476.070.952	237.729.414
19.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.09</b>	<b>160</b>	<b>8</b>

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Tạ Thu Thủy

Đào Tiên Thành

Bùi Văn Hữu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		591.969.506.403	639.199.956.053
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(444.274.458.343)	(443.844.152.479)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(27.482.942.964)	(36.561.730.480)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(14.693.839.152)	(9.032.968.735)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(970.742.043)	(551.056.172)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		36.273.162.893	29.742.996.782
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(40.352.514.275)	(176.794.959.072)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>100.468.172.520</b>	<b>2.158.085.897</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(4.492.857.135)	(20.526.193.950)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		58.464.317.000	230.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.103.122.000)	(12.200.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.382.718.273	2.700.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(15.913.506.441)	0
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.395.201.000	0
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.490.817.946	1.901.882.531
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>32.223.568.643</b>	<b>(27.894.311.419)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

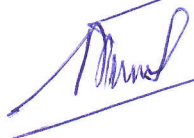
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		383.311.846.309	389.665.300.294
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(508.293.527.190)	
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	(353.892.073.857)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	(1.100.000.400)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(124.981.680.881)</b>	<b>34.673.226.037</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>7.710.060.282</b>	<b>8.937.000.515</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>18.050.369.965</b>	<b>9.113.369.450</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		331.143	0
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>25.760.761.390</b>	<b>18.050.369.965</b>

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Tạ Thu Thủy

Đào Tiến Thành

Bùi Văn Hữu

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại.

**04. Công ty con được hợp nhất**

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2013	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	54,17%	54,17%	54,17%
Công ty TNHH Sản xuất lắp ráp ô tô TMT	Thôn Đình Trà, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Số 1053 Tổ dân phố Kiên Trung, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội	68,11%	68,11%	0%

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

**02. Cơ sở hợp nhất**

*Công ty con*

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

**03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính kỳ kế toán.

**04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 năm

Từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Công ty áp dụng các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

#### 06. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### 07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".



**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay và các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

**09. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.896.453.797	2.996.228.692
- Tiền gửi ngân hàng	7.864.307.593	10.514.825.355
- Tiền đang chuyển	0	536.750.000
- Các khoản tương đương tiền	16.000.000.000	4.002.565.918
<b>Cộng</b>	<b>25.760.761.390</b>	<b>18.050.369.965</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>20.545.497.000</b>	<b>1.325.093.273</b>
- Đầu tư ngắn hạn khác	20.545.497.000	1.325.093.273
+ Cho cá nhân vay (*)	14.545.497.000	1.325.093.273
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	6.000.000.000	0
<b>b. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>20.545.497.000</b>	<b>1.325.093.273</b>

(\*): Khoản cho cán bộ công nhân viên của Công ty vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn hiện hành của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại từng thời điểm cộng 1%/năm.

**03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu về cổ phần hoá	0	0
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	0	0
- Phải thu của người lao động	0	0
- Phải thu khác	5.238.371.354	13.156.557.018
+ Tiền lãi dự thu của các khoản cho vay	702.124.304	1.231.357.757
+ Cán bộ công nhân viên vay	0	9.500.000.000
+ Nhà máy cơ khí 120	500.000.000	500.000.000
+ Phải thu tiền hợp tác kinh doanh của công ty TNHH TM và sản xuất Thiên Trường An	2.250.000.000	0
+ Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	237.905.546	0
+ Khác	1.548.341.504	1.925.199.261
<b>Cộng</b>	<b>5.238.371.354</b>	<b>13.156.557.018</b>

**04. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	8.545.000	319.907.297
- Nguyên liệu, vật liệu	31.062.448.427	49.666.101.175
- Công cụ, dụng cụ	26.499.496	19.949.091
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	50.858.815.616	37.579.873.654
- Thành phẩm	22.294.420.205	37.026.781.130
- Hàng hoá	7.634.266.739	16.788.172.353
- Hàng gửi đi bán	98.741.214.245	57.009.324.875
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>210.626.209.728</b>	<b>198.410.109.575</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	28.720.099	626.335.387
- Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa	63.796.664	0
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	1.957.473.858	2.059.859.877
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	747.768.013	1.860.776.353
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	0	118.542.836
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	51.455.184	0
<b>Cộng</b>	<b>2.849.213.818</b>	<b>4.665.514.453</b>

**06. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	488.086.286	488.086.286
- Tạm ứng	5.519.665.896	5.076.227.677
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	682.103.259	4.047.994.109
<b>Cộng</b>	<b>6.689.855.441</b>	<b>9.612.308.072</b>

D-C  
H  
NH  
V  
V  
TO  
Á  
T  
P

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>		<b>80.765.744.287</b>	<b>33.553.512.933</b>	<b>28.394.405.263</b>	<b>2.073.523.815</b>	<b>4.077.895.728</b>	<b>148.865.082.026</b>
- Mua trong năm		0	0	0	0	0	0
- Đầu tư XDCB hoàn thành		663.844.477	0	0	0	0	663.844.477
- Tăng do hợp nhất kinh doanh		15.749.432.327	4.992.836.149	1.266.911.190	234.612.926	0	22.243.792.592
- Phân loại lại		0	19.163.595	1	(19.163.596)	0	0
- Thanh lý, nhượng bán		(96.164.000)		0	0	0	(96.164.000)
- Giảm khác		(658.906.647)	(538.877.380)	(46.500.000)	(761.187.797)	(29.715.000)	(2.035.186.824)
<b>Số dư cuối năm</b>		<b>96.423.950.444</b>	<b>38.026.635.297</b>	<b>29.614.816.454</b>	<b>1.527.785.348</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>169.641.368.271</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>		<b>42.696.046.713</b>	<b>32.279.223.808</b>	<b>16.580.073.038</b>	<b>1.887.421.257</b>	<b>4.077.895.460</b>	<b>97.520.660.276</b>
- Khấu hao trong năm		3.858.466.507	655.473.112	2.508.959.402	36.188.292	0	7.059.087.313
- Tăng do hợp nhất kinh doanh		11.186.659.034	4.852.148.028	1.266.911.190	234.612.926	0	17.540.331.178
- Thanh lý, nhượng bán		(90.734.500)	0	0	0	0	(90.734.500)
- Phân loại lại		(267)	(31.970.640)	(2)	31.970.641	268	0
- Giảm khác		(582.711.096)	(402.311.076)	(46.500.000)	(710.893.412)	(29.715.000)	(1.772.130.584)
<b>Số dư cuối năm</b>		<b>57.067.726.391</b>	<b>37.352.563.232</b>	<b>20.309.443.628</b>	<b>1.479.299.704</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>120.257.213.683</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>		<b>38.069.697.574</b>	<b>1.274.289.125</b>	<b>11.814.332.225</b>	<b>186.102.558</b>	<b>268</b>	<b>51.344.421.750</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>		<b>39.356.224.053</b>	<b>674.072.065</b>	<b>9.305.372.826</b>	<b>48.485.644</b>	<b>0</b>	<b>49.384.154.588</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 78.068.889.871 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 38.184.355.474 VND và 14.263.743.524 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>19.418.410.399</b>	<b>110.785.000</b>	<b>19.529.195.399</b>
- Mua trong năm	0	33.939.000	33.939.000
- Phân loại lại	15.000.000	(15.000.000)	0
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	0	70.000.000	70.000.000
- Tăng khác	0	0	0
- Giảm khác	(19.433.410.399)	(40.785.000)	(19.474.195.399)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>0</b>	<b>158.939.000</b>	<b>158.939.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>3.257.542.298</b>	<b>100.923.898</b>	<b>3.358.466.196</b>
- Khấu hao trong năm	206.191.488	6.599.250	212.790.738
- Phân loại lại	5.138.898	(5.138.898)	0
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	0	70.000.000	70.000.000
- Giảm khác	(3.468.872.684)	(40.785.000)	(3.509.657.684)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>0</b>	<b>131.599.250</b>	<b>131.599.250</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>16.160.868.101</b>	<b>9.861.102</b>	<b>16.170.729.203</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>0</b>	<b>27.339.750</b>	<b>27.339.750</b>

**09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự án mở rộng đầu tư Nhà máy lắp ráp xe ô tô thương hiệu toàn cầu	145.359.107.094	194.109.972.479
- Công trình khác	749.787.236	687.483.709
<b>Cộng</b>	<b>146.108.894.330</b>	<b>194.797.456.188</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Giá trị	Số lượng cổ phần	Giá trị
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>		<b>501.073.530</b>		<b>3.586.540.143</b>
- Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại (PPC)	0	0	16.000	784.016.613
- Công ty CP thiết bị Bưu điện (POT)	24	679.000	24	679.000
- Chứng chỉ quỹ cân bằng Prudential (PRUBF1)	0	0	18.000	207.800.000
- Chứng chỉ Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1)	0	0	16.000	510.500.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	6	394.530	6	394.530
- Công ty Cổ phần Phân đạm và hóa chất dầu khí (DPM)	0	0	2.000	181.000.000
- Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội (HAS)	0	0	5.000	89.500.000
- Công ty Cổ phần Cáp và vật liệu Viễn thông (SAM)	0	0	53.000	888.350.000
- Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn sông Hình (VSH)	0	0	15.750	424.300.000
- Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải ô tô	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		<b>0</b>		<b>2.250.000.000</b>
- Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Trường An		0		2.250.000.000
<b>Cộng</b>		<b>501.073.530</b>		<b>5.836.540.143</b>

**11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>- Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác</b>	<b>(792.730)</b>	<b>(1.938.774.943)</b>
+ Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại (PPC)	0	(593.616.613)
+ Công ty CP thiết bị Bưu điện (POT)	(501.400)	(458.200)
+ Chứng chỉ quỹ cân bằng Prudential (PRUBF1)	0	(74.600.000)
+ Chứng chỉ Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1)	0	(337.700.000)
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	(291.330)	(275.130)
+ Công ty CP Phân đạm và hóa chất dầu khí (DPM)	0	(109.400.000)
+ Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội (HAS)	0	(64.500.000)
+ Công ty CP Cáp và vật liệu Viễn thông (SAM)	0	(496.150.000)
+ Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn sông Hình (VSH)	0	(262.075.000)
<b>Cộng</b>	<b>(792.730)</b>	<b>(1.938.774.943)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	595.406.845	1.829.985.731
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	15.758.346.227	0
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.389.462.512	1.052.231.758
<b>Cộng</b>	<b><u>17.743.215.584</u></b>	<b><u>2.882.217.489</u></b>

**13. Lợi thế thương mại**

	<u>Giá trị lợi thế thương mại đầu năm</u>	<u>Giá trị lợi thế thương mại phát sinh tăng</u>	<u>Số đã phân bổ trong năm</u>	<u>Giá trị còn lại cuối năm</u>
- Lợi thế thương mại do đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4 (*)	0	17.366.128.063	0	17.366.128.063
<b>Cộng</b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>17.366.128.063</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>17.366.128.063</u></b>

(\*) Giá trị lợi thế thương mại do mua Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**14. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b><u>90.818.400.150</u></b>	<b><u>185.410.561.372</u></b>
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>90.456.300.150</i>	<i>185.410.561.372</i>
+ Ngân hàng NN và PT NT Việt Nam (i)	63.304.881.963	59.277.005.880
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (ii)	20.131.853.011	126.133.555.492
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)	7.019.565.176	0
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>362.100.000</i>	<i>0</i>
+ Công ty Cổ phần Cao su chất dẻo Đại Mỹ	50.000.000	0
+ Bà Nguyễn Thị Minh Chính	100.000.000	0
+ Ông Phạm Trung Nghĩa	112.100.000	0
+ Bà Nguyễn Thu Thủy	100.000.000	0
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>22.887.854.483</u></b>
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>0</i>	<i>22.887.854.483</i>
+ Ngân hàng NN và PT NT Việt Nam	0	22.887.854.483
<b>Cộng</b>	<b><u>90.818.400.150</u></b>	<b><u>208.298.415.855</u></b>

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất 9,5%/năm của Công ty được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định tại Nhà máy ô tô Cửu Long và quyền thuê đất và tài sản trên đất tại Hưng Yên.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam với lãi suất từ 9,5%/năm đến 10%/năm của Công ty được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.
- (iii) Vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 160/HĐTD/2011 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Bắc Hà Nội với mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay trong năm từ 14% đến 15%.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	2.953.476.288	5.443.628.117
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.168.421.370	266.806.720
- Thuế thu nhập cá nhân	329.202.670	1.151.361
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.540.996.026	4.273.616.791
- Các loại thuế khác	35.713.736	0
<b>Cộng</b>	<b>8.027.810.090</b>	<b>9.985.202.989</b>

**16. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay	2.058.189.840	714.523.699
- Chi phí vận chuyển	0	129.886.364
- Khác	1.039.525.000	26.425.000
<b>Cộng</b>	<b>3.097.714.840</b>	<b>870.835.063</b>

**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	3.619.798.749	3.200.341.996
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp	3.129.671.220	457.150
- Phải trả về cổ phần hóa	0	10.400.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.108.000.000	1.108.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.088.022.177	370.295.821
<b>Cộng</b>	<b>9.945.492.146</b>	<b>4.689.494.967</b>

**18. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	7.600.000.000	7.928.366.305
- Phải trả dài hạn khác	10.400.000	0
<b>Cộng</b>	<b>7.610.400.000</b>	<b>7.928.366.305</b>

**19. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>630.000.000</b>	<b>750.000.000</b>
- Vay dài hạn ngân hàng	0	0
- Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	630.000.000	750.000.000
+ Công ty Cổ phần đại lý Ford Thủ Đô	630.000.000	750.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>2.119.847.090</b>	<b>1.385.000.000</b>
- Nợ thuế tài chính	0	0
- Nợ dài hạn khác	2.119.847.090	1.385.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.749.847.090</b>	<b>2.135.000.000</b>

**20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	0	407.781.927
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	0	(14.745.777)
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>0</b>	<b>393.036.150</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>284.502.360.000</b>	<b>24.845.370.833</b>	<b>405.478.562</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>907.514.335</b>	<b>10.575.786.873</b>	<b>11.599.647.624</b>	<b>324.155.168.580</b>
Tăng vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0
Lợi nhuận trong năm trước	0	0	0	0	0	0	237.729.414	237.729.414
Phân phối lợi nhuận	0	0	77.747.825	0	37.390.316	84.565.350	(354.685.586)	(154.982.095)
Tăng khác	0	0	0	0	0	138.514.318	823.000.000	961.514.318
Giảm khác	0	0	0	0	(138.514.318)	(10.668.030.734)	0	(10.806.545.052)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>284.502.360.000</b>	<b>24.845.370.833</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>806.390.333</b>	<b>130.835.807</b>	<b>12.305.691.452</b>	<b>314.392.885.165</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>284.502.360.000</b>	<b>24.845.370.833</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>806.390.333</b>	<b>130.835.807</b>	<b>12.305.691.452</b>	<b>314.392.885.165</b>
Tăng vốn trong năm nay	0	0	0	0	0	0	0	0
Lợi nhuận trong năm nay	0	0	0	0	0	0	4.476.070.952	4.476.070.952
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại công ty con	0	0	0	0	0	0	(119.166.630)	(119.166.630)
Giảm vốn trong năm nay	0	0	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>284.502.360.000</b>	<b>24.845.370.833</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>806.390.333</b>	<b>130.835.807</b>	<b>16.662.595.774</b>	<b>318.749.789.487</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	61.280.620.000	61.280.620.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	223.221.740.000	223.221.740.000
<b>Cộng</b>	<b>284.502.360.000</b>	<b>284.502.360.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	284.502.360.000	284.502.360.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	284.502.360.000	284.502.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.450.236	28.450.236
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.450.236	28.450.236
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.450.236	28.450.236
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.040.536	28.040.536
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.040.536	28.040.536
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm (*)	506.038.130.398	536.657.014.855
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.436.456.709	45.352.233.878
<b>Cộng</b>	<b>547.474.587.107</b>	<b>582.009.248.733</b>

**(\*): Bao gồm**

	Năm nay
- Doanh thu bán hàng hóa	13.098.183.602
- Doanh thu bán thành phẩm	492.939.946.796
<b>Cộng</b>	<b>506.038.130.398</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	0	662.727.275
- Giảm giá hàng bán	386.818.178	0
- Hàng bán bị trả lại	44.384.545.453	92.877.200.903
<b>Cộng</b>	<b>44.771.363.631</b>	<b>93.539.928.178</b>

**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm (*)	461.266.766.767	443.117.086.677
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	41.436.456.709	45.352.233.878
<b>Cộng</b>	<b>502.703.223.476</b>	<b>488.469.320.555</b>

**(\*): Bao gồm**

	Năm nay
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	13.098.183.602
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	448.168.583.165
<b>Cộng</b>	<b>461.266.766.767</b>

**04. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán (*)	408.946.032.058	400.187.257.145
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	37.636.420.800	41.923.267.919
<b>Cộng</b>	<b>446.582.452.858</b>	<b>442.110.525.064</b>

**(\*): Bao gồm**

	Năm nay
- Giá vốn hàng hóa	14.312.563.994
- Giá vốn thành phẩm	394.633.468.064
<b>Cộng</b>	<b>408.946.032.058</b>

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.199.472.039	1.546.362.255
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	18.000	46.457.200
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.494.273	93.379.526
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	231.566.972	269.546.297
- Lãi tương ứng với tiền thuê đất trả trước được tính Hưng Yên hoàn trả do không thực hiện hợp đồng thuê đất	6.892.298.309	0
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	20.120.000	0
<b>Cộng</b>	<b>9.351.969.593</b>	<b>1.955.745.278</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	8.454.240.800	8.887.959.682
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	776.081.279	2.904.160.770
- Lỗ do bán chứng khoán	1.690.265.613	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	818.056.277	4.946.818.631
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	45.934.398	
- Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(1.937.982.213)	(406.862.400)
- Chi phí tài chính khác	3.488.004	
<b>Cộng</b>	<b>9.850.084.158</b>	<b>16.332.076.683</b>

**07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.971.992.828	596.643.204
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	0	0
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.971.992.828</b>	<b>596.643.204</b>

**08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	0	(14.745.777)
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(393.036.150)	0
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(393.036.150)</b>	<b>(14.745.777)</b>

**09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.476.070.952	237.729.414
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	0	0
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.476.070.952	237.729.414
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	28.040.536	28.040.536
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>160</b>	<b>8</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	380.132.793.750	304.853.386.531
- Chi phí nhân công	34.928.473.712	21.986.477.408
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.271.878.051	9.019.024.541
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.627.708.654	25.900.104.448
- Chi phí khác bằng tiền	14.561.935.950	15.576.731.370
<b>Cộng</b>	<b>472.522.790.116</b>	<b>377.335.724.298</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	
<b>Hội đồng quản trị</b>		
- Lãi cho vay	481.299.248	
<p>Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:</p>		
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Hội đồng quản trị</b>		
+ Lãi vay phải thu	0	69.198.387
+ Gốc vay phải thu	0	5.800.000.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>0</b>	<b>5.869.198.387</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.272.296.900	1.097.138.400
Phụ cấp	490.289.000	408.269.400
Tiền thưởng	0	0
<b>Cộng</b>	<b>1.762.585.900</b>	<b>1.505.407.800</b>

**02. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót*****Các sai sót***

Trong năm trước Công ty phân bổ quá giá trị lợi thế thương mại là 45.161.870 đồng.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
<b>TÀI SẢN</b>				
Lợi thế thương mại	269	(45.161.870)	0	45.161.870
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>606.536.363.412</b>	<b>606.581.525.282</b>	<b>45.161.870</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	12.260.529.582	12.305.691.452	45.161.870
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>606.536.363.412</b>	<b>606.581.525.282</b>	<b>45.161.870</b>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17.190.273.819	17.145.111.949	(45.161.870)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	192.567.544	237.729.414	45.161.870
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	7	8	1

**03. Thông tin về bộ phận****Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Sản xuất, lắp ráp ô tô;
- Lĩnh vực 2: Dịch vụ vận chuyển;
- Lĩnh vực 3: Thương mại;
- Lĩnh vực 4: Gia công cấu kiện thép.

20-C  
 NH  
 VÂN  
 TOÁN  
 ĐÁN  
 T  
 PHA

CP

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Năm nay	Sản xuất, lắp ráp ô tô	Dịch vụ vận chuyển	Thương mại	Gia công cấu kiện thép	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	447.962.483.136	41.294.313.068	13.446.427.272	0	502.703.223.476	
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0	0	
- Chi phí phân bổ	441.804.464.303	40.013.717.761	13.498.504.368	0	495.316.686.433	
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	6.158.018.833	1.280.595.307	(52.077.096)	0	7.386.537.043	
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	3.834.061.858	808.815.723	250.035.890	0	4.892.913.471	
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.590.324.880	1.820.180.476	562.687.436	0	8.973.192.792	
<b>Số dư cuối năm</b>						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	459.719.185.028	19.788.013.382	6.184.047.979	17.418.835.942	503.110.082.331	
- Tài sản không phân bổ					26.539.133.046	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>459.719.185.028</b>	<b>19.788.013.382</b>	<b>6.184.047.979</b>	<b>17.418.835.942</b>	<b>529.649.215.377</b>	
- Nợ phải trả bộ phận	174.492.666.670	2.222.547.445	687.074.463	18.877.087.766	196.279.376.344	
- Nợ phải trả không phân bổ					468.124.297	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>174.492.666.670</b>	<b>2.222.547.445</b>	<b>687.074.463</b>	<b>18.877.087.766</b>	<b>196.747.500.641</b>	

**Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.





**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.760.761.390	18.050.369.965	25.760.761.390	18.050.369.965
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.422.930.462	93.106.237.179	26.439.864.124	92.790.829.698
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.545.497.000	0	20.545.497.000	0
Đầu tư tài chính dài hạn	501.073.530	3.897.765.200	500.280.800	3.897.765.200
<b>Cộng</b>	<b>77.230.262.382</b>	<b>115.054.372.344</b>	<b>73.246.403.314</b>	<b>114.738.964.863</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	62.418.371.245	38.044.262.884	62.418.371.245	38.044.262.884
Vay và nợ	93.568.247.240	210.433.415.855	93.568.247.240	210.433.415.855
Chi phí phải trả	3.097.714.840	870.835.063	3.097.714.840	870.835.063
Các khoản phải trả khác	10.806.422.177	1.488.695.821	10.806.422.177	1.488.695.821
<b>Cộng</b>	<b>169.890.755.502</b>	<b>250.837.209.623</b>	<b>169.890.755.502</b>	<b>250.837.209.623</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

**05. Tài sản đảm bảo****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07 và V14). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách
<b>Số cuối năm</b>	
Nhà cửa vật kiến trúc	14.237.002.762
Máy móc thiết bị	0
Phương tiện vận tải	26.740.762
Thiết bị, dụng cụ quản lý	0
<b>Cộng</b>	<b>14.263.743.524</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2013.

#### 06. Rủi ro thanh khoản

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	62.418.371.245	0	0	62.418.371.245
Vay và nợ	90.818.400.150	2.749.847.090	0	93.568.247.240
Chi phí phải trả	3.097.714.840	0	0	3.097.714.840
Các khoản phải trả khác	3.196.022.177	7.610.400.000	0	10.806.422.177
<b>Cộng</b>	<b>159.530.508.412</b>	<b>10.360.247.090</b>	<b>0</b>	<b>169.890.755.502</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	38.044.262.884	0	0	38.044.262.884
Vay và nợ	208.298.415.855	2.135.000.000	0	210.433.415.855
Chi phí phải trả	870.835.063	0	0	870.835.063
Các khoản phải trả khác	1.488.695.821	7.928.366.305	0	9.417.062.126
<b>Cộng</b>	<b>248.702.209.623</b>	<b>10.063.366.305</b>	<b>0</b>	<b>258.765.575.928</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

##### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### 08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học thành phố Hồ Chí Minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

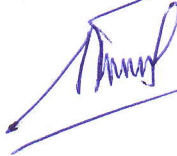
Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2014

**Người lập biểu**



**Tạ Thu Thủy**

**Kế toán trưởng**



**Đào Tiến Thành**

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Văn Hữu**

